



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 56 /HEID-CV
Viv: Công bố BCTC hợp nhất năm 2017

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

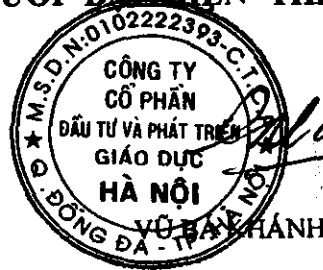
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 28/03/2018).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...57.../HEID-CV

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

V/v: Giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ
tại báo cáo soát xét BCTC hợp nhất năm 2017

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Điều 11 tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 "Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán".

Căn cứ Mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (đã được kiểm toán).

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) xin giải trình đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

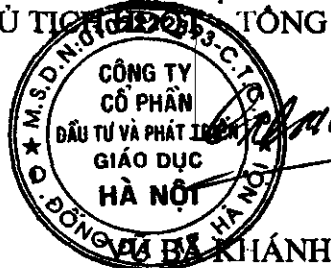
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành công là công ty con do HEID sở hữu 100% vốn. Tuy nhiên, trong Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành công đã được kiểm toán có đưa ra ý kiến về việc các khoản thu tồn đọng từ lâu có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con) từ trước ngày 31/03/2012 nhưng thực tế không thu hồi được theo biên bản thỏa thuận trình bày trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2017 và 31/12/2017. Theo đó, Công ty con đã thực hiện xử lý tài chính khoản nợ phải thu đã xác định là không thể thu hồi này vào Chi phí khác trong năm 2016 là 1,33 tỷ VND và phần còn lại trong năm 2017 là 3,4 tỷ VND. Nếu Công ty con thực hiện ghi nhận một lần vào năm 2016 khi phát sinh nghĩa vụ theo biên bản thỏa thuận thì chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" (Mã số 136) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2017 đã phải giảm đi cùng giá trị là 3,4 tỷ VND. Đồng thời chỉ tiêu "Chi phí khác" (Mã số 32) trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 sẽ giảm đi tương ứng 3,4 tỷ VND.

Trân trọng báo cáo!

KT. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT TỔNG GĐ CÔNG TY

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Thái	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên	
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)
Bà Phí Ngọc Uyên	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Phạm Văn Cần	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

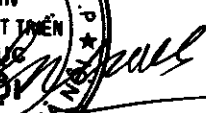
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.


Tông Giám đốc



Tông Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 280318.023/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 26/03/2018, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 7, các khoản nợ phải thu tồn đọng từ lâu có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con) từ trước ngày 31/03/2012 nhưng thực tế không thu hồi được theo biên bản thỏa thuận trình bày trên chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2017 và 31/12/2017. Theo đó, Công ty con đã thực hiện xử lý tài chính khoản nợ phải thu đã xác định là không thể thu hồi này vào Chi phí khác trong năm 2016 là 1,33 tỷ VND và phần còn lại trong năm 2017 là 3,4 tỷ VND. Nếu Công ty con thực hiện ghi nhận một lần vào năm 2016 khi phát sinh nghĩa vụ theo biên bản thỏa thuận thì chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (Mã số 136) và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2017 đã phải giảm đi cùng giá trị là 3,4 tỷ VND. Đồng thời chỉ tiêu “Chi phí khác” (Mã số 32) trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 sẽ giảm đi tương ứng 3,4 tỷ VND.

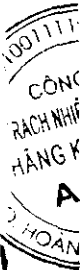
Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃ SỐ	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		306.785.877.513	283.149.706.497
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	41.028.367.616	48.030.153.201
111	1. Tiền		11.028.367.616	18.030.153.201
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17.509.750	18.992.150
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(101.266.650)	(99.784.250)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.718.295.737	79.283.197.581
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	68.171.754.337	49.535.573.639
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	24.559.082.145	30.005.781.653
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.552.106.608	3.752.136.026
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.564.647.353)	(4.010.293.737)
140	IV. Hàng tồn kho	9	164.424.813.281	145.004.085.219
141	1. Hàng tồn kho		168.916.651.036	158.621.556.389
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.491.837.755)	(13.617.471.170)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.596.891.129	10.813.278.346
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	10.874.871.200	10.107.581.065
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	722.019.929	705.697.281

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		121.173.180.706	140.197.683.929
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		625.800.000	225.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	625.800.000	225.800.000
220	II. Tài sản cố định		6.403.631.541	7.002.845.583
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.403.631.541	7.002.845.583
222	- Nguyên giá		11.451.314.134	10.717.490.857
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.047.682.593)	(3.714.645.274)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	67.178.478.818	70.668.269.918
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.066.298.825)	(16.576.507.725)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.083.658.818	5.895.711.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	6.083.658.818	5.895.711.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.173.270.744	38.442.312.024
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.184.180.744	14.860.562.024
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	23.581.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.592.660.000)	-
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.708.340.785	17.962.744.586
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.002.351.953	4.737.699.558
269	2. Lợi thế thương mại	14	10.705.988.832	13.225.045.028
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		427.959.058.219	423.347.390.426

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		181.606.287.287	190.208.940.285
310	I Nợ ngắn hạn		180.011.948.487	188.862.804.885
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	35.447.012.025	27.543.203.642
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		348.487.832	339.965.231
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.601.734.979	1.242.083.487
314	4. Phải trả người lao động		10.127.796.685	10.787.685.171
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	39.063.587.499	24.105.278.400
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	242.228.908	332.253.043
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	85.828.216.851	119.095.029.766
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.352.883.708	5.417.306.145
330	II Nợ dài hạn		1.594.338.800	1.346.135.400
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.594.338.800	1.346.135.400
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		246.352.770.932	233.138.450.141
410	I Vốn chủ sở hữu	20	246.352.770.932	233.138.450.141
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		51.824.750.747	42.361.139.942
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		15.369.519.543	13.593.784.094
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.776.476.873	25.237.870.157
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		593.159.191	1.001.248.464
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		26.183.317.682	24.236.621.693
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		447.367.821	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		427.959.058.219	423.347.390.426



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

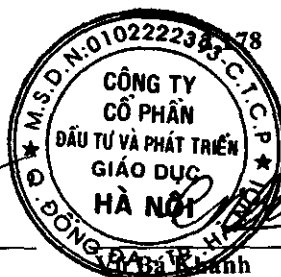
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	590.721.685.377	531.169.680.129
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	13.660.054.316	14.396.847.033
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		577.061.631.061	516.772.833.096
11	4. Giá vốn hàng bán	24	417.562.592.317	374.376.548.884
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.499.038.744	142.396.284.212
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.540.789.833	1.335.070.001
22	7. Chi phí tài chính	26	12.371.904.243	5.964.415.580
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.731.393.047	5.846.810.081
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		323.618.720	448.538.065
25	9. Chi phí bán hàng	27	62.403.811.765	54.550.897.288
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	37.316.852.965	35.074.174.886
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.270.878.324	48.590.404.524
31	12. Thu nhập khác	29	2.114.760.763	719.189.978
32	13. Chi phí khác	30	4.562.807.988	2.261.943.512
40	14. Lợi nhuận khác		(2.448.047.225)	(1.542.753.534)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.822.831.099	47.047.650.990
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	10.600.303.960	10.543.797.633
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.222.527.139	36.503.853.357
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		36.222.527.139	36.503.853.357
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32		2.200



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng



Bà Trương Thị Hồng Hạnh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		46.822.831.099	47.047.650.990
	2. Điều chỉnh cho các khoản		11.560.195.128	11.514.938.364
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		8.309.958.974	7.073.525.339
03	- Các khoản dự phòng		(371.188.536)	851.945.455
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.109.968.357)	(2.257.342.511)
06	- Chi phí lãi vay		5.731.393.047	5.846.810.081
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		58.383.026.227	58.562.589.354
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.887.173.404)	(8.005.782.068)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.295.094.647)	(12.326.048.330)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		23.529.583.690	3.959.185.552
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		968.057.470	7.297.138.806
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.766.422.642)	(5.833.889.761)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.487.200.580)	(10.851.184.189)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		110.000.000	44.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.501.628.785)	(4.701.443.758)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		39.053.147.329	28.144.565.606
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.889.844.636)	(5.671.755.373)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		304.545.454	481.818.181
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(24.644.250.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.541.179.183	1.326.986.265
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.955.880.001	(28.507.200.927)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		319.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		332.409.527.768	291.368.356.468
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(365.676.340.683)	(260.484.448.490)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.063.000.000)	(18.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(51.010.812.915)	12.883.907.978

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(7.001.785.585)	12.521.272.657
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		48.030.153.201	35.508.880.544
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>41.028.367.616</u>	<u>48.030.153.201</u>

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,00%	89,00%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

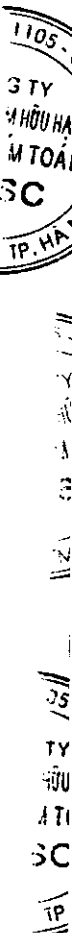
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 - 25 năm |
|--------------------------|-------------|

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực

hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	754.358.545	539.128.356
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.274.009.071	17.491.024.845
Các khoản tương đương tiền ^[1]	30.000.000.000	30.000.000.000
	41.028.367.616	48.030.153.201

^[1] Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng có giá trị 30.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 4,9%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết ^[1]	97.000.000	10.438.000	(86.562.000)	97.000.000	11.610.000	(85.390.000)
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000	1.350.000	(73.250.000)	74.600.000	3.450.000	(71.150.000)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000	9.088.000	(13.312.000)	22.400.000	8.160.000	(14.240.000)
Cổ phiếu đã niêm yết ^[2]	21.776.400	7.071.750	(14.704.650)	21.776.400	7.382.150	(14.394.250)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	7.043.750	(14.456.250)	21.500.000	7.343.750	(14.156.250)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	28.000	(248.400)	276.400	38.400	(238.000)
	118.776.400	17.509.750	(101.266.650)	118.776.400	18.992.150	(99.784.250)

^[1] Giá trị hợp lý của cổ phiếu STL và cổ phiếu PHH được xác định bằng giá giao dịch bình quân trên sàn UpCOM tại ngày 29/12/2017.

^[2] Giá trị hợp lý của cổ phiếu LSS được xác định bằng giá giao dịch bình quân trên sàn HNX tại ngày 29/12/2017, giá trị hợp lý của cổ phiếu QNC được xác định bằng giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 29/12/2017.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn	1.000.000.000	-	-	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^[3]	1.000.000.000	-	-	-
	1.000.000.000	-	-	-

^[3] Trong năm 2017, Công ty mua 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Cụ thể: mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 10 năm, lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2017			01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	VND 15.184.180.744	46,34%	46,34%	VND 14.860.562.024
				15.184.180.744			14.860.562.024

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam ^[1]	6.000.000.000	-	12.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục ^[2]	10.369.250.000	(6.592.660.000)	10.369.250.000	-
	17.581.750.000	(6.592.660.000)	23.581.750.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^[1] Trong năm, Công ty đã thực hiện thoái một phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam làm tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam giảm từ 11,04% xuống 5,52%.

^[2] Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) được Công ty trích lập dự phòng căn cứ theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu Công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM vào ngày 29/12/2017 là: 3.460 đồng/cổ phiếu.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BDS; Đầu tư tài chính

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	-	1.031.745.475
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	4.491.531.329	5.167.999.415
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	3.346.221.064	9.523.992.817
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	28.432.271.569	57.727.199
- Các khoản phải thu khách hàng khác	31.901.730.375	33.754.108.733
	68.171.754.337	49.535.573.639
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	32.778.359.336	53.792.728.656
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)</i>		

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà Máy in Bộ tổng tham mưu	7.871.064.457	-	9.210.002.705	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	4.303.512.130	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần in Khoa học	2.593.885.821	-	1.067.796.562	-
Trả trước cho người bán khác	9.790.619.737	-	16.727.982.386	-
	24.559.082.145	-	30.005.781.653	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Lãi dự thu	-	-	59.375.000	-
Tạm ứng	452.583.500	-	270.720.000	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.084.523.108	-	3.422.041.026	-
- Các khoản phải thu liên quan tới Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	-	-	3.415.823.901	-
- Phải thu khác	1.084.523.108	-	6.217.125	-
	1.552.106.608	-	3.752.136.026	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	225.800.000	-	225.800.000	-
Phải thu khác	400.000.000	-	-	-
	625.800.000	-	225.800.000	-

^[1] Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam), Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty thực hiện theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên khoản mục phải thu khác ngắn hạn. Ngoài ra, tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con) còn phát sinh một số nghiệp vụ liên quan với Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 01/07/2016, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã thống nhất tại Biên bản thỏa thuận số 34/BB-HHTC về việc: Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công sẽ có trách nhiệm xử lý tài chính trong vòng 3 năm đối với các khoản nợ phải thu đã xác định là không thể thu hồi này. Theo đó, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công đã thực hiện xử lý tài chính vào chi phí khác trong năm 2016 là 1.331.469.096 VND và phần còn lại trong năm 2017 là 3.415.823.901 VND.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	4.318.387.453	2.207.395.721	3.550.780.643	2.853.370.229
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	4.491.531.329	3.880.911.277	5.167.999.415	4.661.130.047
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	387.103.340	387.103.340	1.360.153.340	680.076.670
Các đối tượng nợ phải thu khác	5.974.789.759	4.131.754.190	5.326.557.841	3.200.620.556
	15.171.811.881	10.607.164.528	15.405.491.239	11.395.197.502

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc vẫn đang tìm mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ (100%) các khoản nợ phải thu khó đòi này.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.261.414.470	-	43.110.532.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.597.016.753	-	15.763.511.978	-
Thành phẩm	27.664.345.964	(4.491.837.755)	32.065.919.885	(13.617.471.170)
Hàng hoá	65.556.966.292	-	53.451.320.609	-
Hàng gửi đi bán	7.836.907.557	-	14.230.271.217	-
	168.916.651.036	(4.491.837.755)	158.621.556.389	(13.617.471.170)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập thêm do giá trị các loại Sách chậm luân chuyển, do thay đổi nội dung chương trình giảng dạy, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý tăng so với thời điểm đầu năm. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	10.307.345.864	9.388.671.974
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	252.900.001	216.900.000
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	314.625.335	502.009.091
	10.874.871.200	10.107.581.065
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	3.086.250
- Chi phí mua bản quyền in sách	564.933.771	370.976.944
- Chi phí thuê kho, sửa chữa cửa hàng ^[3]	2.437.418.182	4.363.636.364
	3.002.351.953	4.737.699.558

^[1] Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối năm).

^[2] Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

^[3] Đây là chi phí thuê kho ở Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo Hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.207.330.580	510.160.277	10.717.490.857
- Mua trong năm	1.666.557.636	35.340.000	1.701.897.636
- Thanh lý, nhượng bán	(862.627.228)	(105.447.131)	(968.074.359)
Số dư cuối năm	11.011.260.988	440.053.146	11.451.314.134
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.329.454.704	385.190.570	3.714.645.274
- Khấu hao trong năm	2.229.791.829	71.319.849	2.301.111.678
- Thanh lý, nhượng bán	(862.627.228)	(105.447.131)	(968.074.359)
Số dư cuối năm	4.696.619.305	351.063.288	5.047.682.593
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.877.875.876	124.969.707	7.002.845.583
Tại ngày cuối năm	6.314.641.683	88.989.858	6.403.631.541

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.139.022.943 VND.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2017 là 20.066.298.825 VND trong đó khấu hao trong năm 2016 là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2015-HỆTDHM/NHCT106-HEID ngày 17/07/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	5.783.658.818	5.595.711.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	6.083.658.818	5.895.711.818

^[1] Góp vốn theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa các bên Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất:

- Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án;
- Phần vốn tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án.

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án theo các công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (theo Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐGV ngày 1/7/2014) là 1.271.061.818 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2016 là 5.595.711.818 VND.

Trong năm, Công ty tiếp tục ứng số tiền thực hiện dự án là 187.947.000 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2017 là 5.783.658.818 VND. Đến thời điểm hiện tại, Các bên đã cơ bản hoàn thành xong việc góp vốn và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, Công ty đang thống nhất với các bên về phương án triển khai tiếp theo.

^[2] Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) với tổng giá trị là 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 51 tháng, số đã phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm 2017 là 2.519.056.196 VND.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	-	3.946.059.529	3.946.059.529
- Phải trả cho các đối tượng khác	35.447.012.025	35.447.012.025	23.597.144.113	23.597.144.113
	35.447.012.025	35.447.012.025	27.543.203.642	27.543.203.642
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	755.649.421	755.649.421	5.884.522.575	5.884.522.575

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	620.842.994	2.867.703.091	2.600.596.931	-	887.949.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.713.582	600.238.659	10.600.303.960	10.487.200.580	189.638.461	897.266.918
Thuế thu nhập cá nhân	695.140.699	21.001.834	5.941.143.093	4.986.229.845	527.538.468	808.312.851
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	463.341.000	463.341.000	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	-	59.070.891	50.864.835	4.843.000	8.206.056
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	15.624.248	15.624.248	-	-
	705.697.281	1.242.083.487	19.947.186.283	18.603.857.439	722.019.929	2.601.734.979

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	77.199.711	112.229.306
Trích trước phí quản lý xuất bản	25.595.412.048	19.171.854.223
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo, công in	9.991.803.406	1.832.982.990
Trích trước chi phí chiết khấu phát hành	1.401.536.110	789.994.000
Trích trước chi phí vận chuyển	289.497.925	120.012.240
Trích trước chi phí bản quyền bộ Từ điển Bách khoa Britannica	443.279.284	385.715.221
Chi phí phải trả khác	1.264.859.015	1.692.490.420
	39.063.587.499	24.105.278.400

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	226.216.691	162.383.891
Bảo hiểm xã hội	1.611.256	-
Bảo hiểm y tế	273.147	-
Bảo hiểm thất nghiệp	127.814	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.000.000	169.869.152
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	14.000.000	77.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	-	92.869.152
	242.228.908	332.253.043
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.594.338.800	1.346.135.400
	1.594.338.800	1.346.135.400

19. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	83.616.313.131	83.616.313.131	287.687.729.624	296.743.967.332	74.560.075.423	74.560.075.423
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	29.760.716.635	29.760.716.635	10.604.623.776	40.365.340.411	-	-
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	5.718.000.000	5.718.000.000	34.117.174.368	28.567.032.940	11.268.141.428	11.268.141.428
	119.095.029.766	119.095.029.766	332.409.527.768	365.676.340.683	85.828.216.851	85.828.216.851

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2017		01/01/2017	
				VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	5,50%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	74.560.075.423	-	83.616.313.131	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	VND	5,50%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	-	29.760.716.635	-
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng thời điểm	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	11.268.141.428	-	5.718.000.000	-
				85.828.216.851	85.828.216.851	119.095.029.766	119.095.029.766

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	34.868.448.349	11.841.038.561	21.570.436.462	-	220.225.579.320
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	36.503.853.357	-	36.503.853.357
Phân phối lợi nhuận 2015	-	-	3.987.200.527	-	(22.003.593.044)	-	(18.016.392.517)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.987.200.527	-	(3.987.200.527)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(16.392.517)	-	(16.392.517)
Tạm phân phối lợi nhuận 2016	-	-	3.505.491.066	1.752.745.533	(10.516.473.198)	-	(5.258.236.599)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.505.491.066	1.752.745.533	(5.258.236.599)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.505.491.066)	-	(3.505.491.066)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.752.745.533)	-	(1.752.745.533)
Giảm khác	-	-	-	-	(316.353.420)	-	(316.353.420)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	42.361.139.942	13.593.784.094	25.237.870.157	-	233.138.450.141

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	42.361.139.942	13.593.784.094	25.237.870.157	-	233.138.450.141
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	36.222.527.139	-	36.222.527.139
Phân phối lợi nhuận 2016	-	-	6.538.437.460	-	(24.538.437.460)	-	(18.000.000.000)
- Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.538.437.460	-	(6.538.437.460)	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận 2017	-	-	3.551.470.899	1.775.735.449	(10.654.412.696)	-	(5.327.206.348)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.551.470.899	1.775.735.449	(5.327.206.348)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.551.470.899)	-	(3.551.470.899)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.775.735.449)	-	(1.775.735.449)
Điều chỉnh khác	-	-	(615.203.239)	-	615.203.239	-	-
Phát hành tăng vốn cho cổ đông không kiểm soát	-	(11.000.000)	-	-	-	330.000.000	319.000.000
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	(11.094.315)	-	(106.273.506)	117.367.821	-
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.934.655.948	51.824.750.747	15.369.519.543	26.776.476.873	447.367.821	246.352.770.932

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2016 như sau:

Diễn giải	Công ty mẹ	Các công ty con, công ty liên kết	Cộng	Trong đó đã tạm phân phối năm trước
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016	35.054.910.658	1.448.942.699	36.503.853.357	-
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.752.745.533	-	1.752.745.533	1.752.745.533
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10.043.928.526	-	10.043.928.526	3.505.491.066
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.505.491.066	-	3.505.491.066	3.505.491.066
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	1.752.745.533	-	1.752.745.533	1.752.745.533
- Chi trả cổ tức	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Tổng lợi nhuận năm 2016 đã phân phối	35.054.910.658	-	35.054.910.658	10.516.473.198

Căn cứ theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2017 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty mẹ như sau:

Diễn giải	Công ty mẹ	Các công ty con, công ty liên kết	Cộng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	35.514.708.989	707.818.150	36.222.527.139
- Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển	3.551.470.899	-	3.551.470.899
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.551.470.899	-	3.551.470.899
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	1.775.735.449	-	1.775.735.449
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	1.775.735.449	-	1.775.735.449
Tổng lợi nhuận năm 2017 đã phân phối	10.654.412.696	-	10.654.412.696

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	11.665.890.000	7,78%	12.083.890.000	8,06%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	70.272.110.000	46,85%	69.854.110.000	46,57%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.000.000.000	18.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Tổng công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	51.824.750.747	42.361.139.942
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	15.369.519.543	13.593.784.094
	67.194.270.290	55.954.924.036

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Tài sản thuê ngoài		
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:	3.076.218.182	5.929.105.672
- Từ 1 năm trở xuống	2.917.018.182	3.583.112.945
- Từ 1 năm đến 5 năm	159.200.000	2.345.992.727
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
Ban QLDA khu tái định cư Sơn La - Công trình Bản Khoang	250.845.000	-
Ban QLDA lưới điện (CT Điện lực 1)	257.395.486	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà số 12	298.772.860	-
Cty CP Hồng Hà Dầu Khí	1.138.437.100	-
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Vạn Xuân	1.011.954.836	-
Tạ Hồng Minh	382.068.000	-
Các đối tượng khác	3.013.768.578	1.331.469.096
	6.353.241.860	1.331.469.096

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	582.644.526.236	518.656.578.205
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	271.854.418.690	251.103.528.586
- Doanh thu lịch Block	-	2.773.578.220
- Doanh thu sách tham khảo	232.912.531.486	194.231.110.541
- Doanh thu nhượng bán vật tư	30.995.372.401	41.579.772.540
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	46.882.203.659	28.968.588.318
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	8.077.159.141	12.513.101.924
	590.721.685.377	531.169.680.129
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	165.308.093.463	123.920.842.642

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	13.660.054.316	7.925.270.460
Giảm giá hàng bán	-	6.471.576.573
	13.660.054.316	14.396.847.033

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	420.209.196.633	364.946.996.135
- Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	164.267.014.971	169.817.388.063
- Giá vốn bán lịch Block	-	2.479.328.756
- Giá vốn bán sách tham khảo	196.634.452.622	139.667.073.949
- Giá vốn bán vật tư	32.048.408.687	42.239.033.152
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	27.259.320.353	10.744.172.215
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.479.029.099	6.732.823.247
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.125.633.415)	2.696.729.502
	417.562.592.317	374.376.548.884

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	409.551.683	396.611.265
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.072.252.500	930.375.000
Chiết khấu thanh toán	58.985.650	8.083.736
	1.540.789.833	1.335.070.001

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.731.393.047	5.846.810.081
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	41.040.101	119.179.400
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	6.594.142.400	(3.002.350)
Chi phí tài chính khác	5.328.695	1.428.449
	12.371.904.243	5.964.415.580

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.374.422	24.549.227
Chi phí nhân công	18.302.645.287	18.085.885.254
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	92.623.545	277.292.409
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.138.038	5.644.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.457.674.068	21.739.045.922
Chi phí khác bằng tiền	20.111.356.405	14.418.480.296
	62.403.811.765	54.550.897.288

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.903.435.834	2.759.091.291
Chi phí nhân công	11.682.086.850	14.165.259.117
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	458.788.587	584.676.060
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.931.973.640	1.059.033.863
Thuế, phí và lệ phí	471.341.000	470.545.375
Chi phí dự phòng	2.160.302.479	(1.841.781.697)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.245.349.210	9.416.923.691
Chi phí khác bằng tiền	4.944.519.169	5.941.370.990
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	37.316.852.965	35.074.174.886

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	304.545.454	481.818.181
Nhận tài trợ bản quyền dịch sách ^[*]	1.646.370.720	-
Các khoản khác	163.844.589	4.121.975
Thu nhập từ thanh lý sách cũ, lạc hậu	-	233.249.822
	2.114.760.763	719.189.978

^[*] Là khoản thu nhập của Công ty con là Công ty Cổ phần sách dịch và Từ Điển Giáo dục nhận được từ Chính phủ Trung Quốc khi mua bản quyền bộ sách Mười vạn câu hỏi vì sao của Nhà xuất bản Trung Quốc. Các khoản chi phí đàm phán để nhận được tiền tài trợ bản quyền dịch sách được ghi nhận trên Khoản mục chi phí khác.

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí từ nhận tài trợ chi phí bản quyền dịch sách	248.772.107	-
Xử lý nợ phải thu không thể thu hồi ^[1]	3.415.823.901	1.331.469.096
Các khoản bị phạt	12.624.248	267.854.348
Các khoản khác	885.587.732	662.620.068
	4.562.807.988	2.261.943.512

^[1] Như đã nêu tại Thuyết minh số 7, trong năm, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con của Công ty) đã xử lý vào chi phí 3.415.823.901 VND đối với các khoản công nợ không thể thu hồi phát sinh tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước.

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Mẹ	8.877.803.381	9.202.812.707
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty Con	1.722.500.579	1.340.984.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.600.303.960	10.543.797.633

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.222.527.139	36.503.853.357
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	3.551.470.899	3.505.491.066
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	32.671.056.240	32.998.362.291
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.178	2.200

Công ty mẹ đã tạm phân phối quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.908.428.014	152.979.825.462
Chi phí nhân công	31.829.771.870	32.251.144.371
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	551.412.132	861.968.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.975.484.619	4.554.469.143
Thuế, phí và lệ phí	685.349.082	470.545.375
Chi phí dự phòng	3.199.096.846	(1.841.781.697)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.407.447.138	122.291.834.997
Chi phí khác bằng tiền	30.218.835.844	29.446.640.226
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	376.294.881.741	343.533.702.542

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.028.367.616	-	48.030.153.201	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.349.660.945	(4.564.647.353)	53.513.509.665	(4.010.293.737)
	111.378.028.561	(4.564.647.353)	101.543.662.866	(4.010.293.737)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	85.828.216.851	119.095.029.766
Phải trả người bán, phải trả khác	37.283.579.733	29.221.592.085
Chi phí phải trả	39.063.587.499	24.105.278.400
	162.175.384.083	172.421.900.251

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	17.509.750	-	-	17.509.750
Cộng	17.509.750	-	-	17.509.750
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	18.992.150	-	-	18.992.150
Cộng	18.992.150	-	-	18.992.150

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.028.367.616	-	-	41.028.367.616
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.159.213.592	625.800.000	-	65.785.013.592
Cộng	106.187.581.208	625.800.000	-	106.813.381.208
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.030.153.201	-	-	48.030.153.201
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.277.415.928	225.800.000	-	49.503.215.928
Cộng	97.307.569.129	225.800.000	-	97.533.369.129

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	85.828.216.851	-	-	85.828.216.851
Phải trả người bán, phải trả khác	35.689.240.933	1.594.338.800	-	37.283.579.733
Chi phí phải trả	39.063.587.499	-	-	39.063.587.499
	160.581.045.283	1.594.338.800	-	162.175.384.083
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	119.095.029.766	-	-	119.095.029.766
Phải trả người bán, phải trả khác	27.875.456.685	1.346.135.400	-	29.221.592.085
Chi phí phải trả	24.105.278.400	-	-	24.105.278.400
	171.075.764.851	1.346.135.400	-	172.421.900.251

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	332.409.527.768	291.368.356.468
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	365.676.340.683	260.484.448.490

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	575.597.445.597	13.454.233.253	589.051.678.850	(11.990.047.789)	577.061.631.061
Giá vốn từ bán hàng và dịch vụ	417.696.536.895	6.479.029.099	424.175.565.994	(6.612.973.677)	417.562.592.317
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	157.900.908.702	6.975.204.154	164.876.112.856	(18.603.021.466)	159.499.038.744
Tổng chi phí mua tài sản cố định	1.889.844.636	-	1.889.844.636	-	1.889.844.636
Tài sản bộ phận	474.927.042.842	112.981.246.951	587.908.289.793	(159.949.231.574)	427.959.058.219
Nợ phải trả của các bộ phận	222.983.553.041	2.723.885.396	225.707.438.437	(44.101.151.150)	181.606.287.287

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa		165.308.093.463	123.920.842.642
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	114.072.097	529.940.666
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	20.530.786	37.902.273
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	29.763.941.891	25.522.987.532
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	13.307.501.305	2.226.590
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	8.580.043.545	15.440.189.514
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	8.521.138.931	8.004.434.036
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	9.688.309.895	9.483.046.939
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	7.035.600	19.193.067
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	2.254.200	2.049.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.630.580.949	1.966.508.167
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	63.085.081.941	39.761.328.158
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	3.750.695.844	3.077.595.477
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.708.398.858	5.522.080.995
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.780.000	5.900.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	57.571.429	-
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	7.810.621.046	10.998.564.846
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	732.008.151	698.560.005
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.791.266.580	2.848.335.104
Công ty Cổ phần Sách Bình Dương	Cùng Tập đoàn	38.961.544	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Điện Biên		10.694.298.871	-

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng hóa		80.637.912.335	61.663.459.357
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	1.137.718.313	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	46.066.641.154	35.339.801.141
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	295.783.390	125.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	77.436.738	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	86.689.524	23.205.410
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	330.520.519	459.269.823
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	185.037.527	178.307.290
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	476.628.632	533.801.076
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	285.874.128	118.307.460
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	316.545.434	3.379.332.802
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	9.798.692.575	1.584.739.985
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	3.171.250.000	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	104.904.230	129.597.081
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.371.432.155	3.305.640.717
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam	Cùng Tập đoàn	2.330.400.000	-
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.351.625.522	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.250.732.494	10.638.146.152
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn		373.310.420
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng, dịch vụ khác		3.022.772.745	1.451.094.544
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.351.200.001	1.074.654.544
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công	Cùng Tập đoàn	399.960.000	376.440.000
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	347.918.200	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục 1	Cùng Tập đoàn	923.694.544	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.071.250.000	930.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	825.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	121.250.000	105.000.000

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
 Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	31/12/2016
		VND	VND
Phải thu		32.778.359.336	53.792.728.656
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	472.274.367	1.029.524.168
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	-	178.905.284
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	598.682.500	74.061.376
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	1.988.471.549	1.463.226.844
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	1.020.830.039
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	186.610.798	76.519.344
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	387.103.340	1.360.153.340
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	334.781.263	451.537.227
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	341.069.438	762.692.087
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Bình Dương	Cùng Tập đoàn	37.094.512	100.342.040
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	28.432.271.569	47.274.936.907
Người mua trả tiền trước		-	59.194.879
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	1.467.680
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	-	57.727.199
Phải trả người bán		755.649.421	5.884.522.575
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	3.946.059.529
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	271.253.252
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	30.215.740
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	-	281.768.000
Công ty cổ phần Sách Đại học và Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	26.628.632	75.401.076
Công ty cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	-	10.240.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	505.181.708	1.269.584.978
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	223.839.081	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		895.799.936	858.385.346
Thu nhập của người quản lý khác		2.210.258.890	1.856.354.562
Thu nhập của Hội đồng quản trị		297.777.779	284.444.432

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

